

CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA

Số Công 2025/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày ... tháng ... năm 2025

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NIÊN ĐỘ 2024-2025

(V/v Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty)

- Căn cứ Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành ("**Luật Doanh Nghiệp**" hoặc "**LDN**");
- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 ("**Luật số 03/2022/QH**");
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành ("**Luật Chứng Khoán**" hoặc "**LCK**");
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán ("**NĐ 155**");
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán ("**Thông tư 116**");
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa ("**Điều Lệ**"),
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường niên độ 2024-2025 số/2025/BBH-ĐHĐCĐ ngày/...../2025 của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi Điều Lệ Công ty, nội dung cụ thể theo Phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty có trách nhiệm triển khai, giám sát và báo cáo việc thực hiện Nghị quyết này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌANơi nhận:

- HĐQT, BTGD;
- Lưu BTKCT & QHCD.

ĐẶNG HUỲNH ỨC MY



PHỤ LỤC: BẢNG ĐỀ XUẤT NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Ghi chú:

- Các Điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi;
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Nội dung tại văn bản hiện hành” là các nội dung được in nghiêng, gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung” là nội dung được in đậm, gạch chân.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
1	PHẦN MỞ ĐẦU [...] Điều lệ sửa đổi, bổ sung này được Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông <u>Đại hội đồng số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/5/2023 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 118a/2023/NQ-HĐQT ngày 22/06/2023.</u>	PHẦN MỞ ĐẦU [...] Điều lệ sửa đổi, bổ sung này được Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Đại hội đồng số:...../2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày <u> / / </u> .		Cập nhật số Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp thực tế
2	Điều 1. Định nghĩa 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây	Điều 1. Định nghĩa 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây		

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	<p>sẽ được hiểu như sau:</p> <p>[...]</p> <p>[Không quy định].</p> <p>f. "Người điều hành" là người điều hành của Công ty, bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế Toán trưởng của Công ty.</p> <p>g. "Người quản lý" là người quản lý của Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.</p>	<p>sẽ được hiểu như sau:</p> <p>[...]</p> <p><u>e. "Nghị định 155/2020/NĐ-CP" có nghĩa là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán được Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020.</u></p> <p><u>g. "Người điều hành" là người điều hành của Công ty, bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế Toán trưởng của Công ty, và những người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định.</u></p> <p><u>h. "Người quản lý" là người quản lý của Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, và những người quản lý doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định.</u></p>	<p>Điều 3.55 của Nghị Định 155/2020/NĐ-CP</p> <p>Điều 4.24 của Luật Doanh Nghiệp 2020</p>	<p>Bổ sung vì nội dung ở dưới đề cập đến Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p> <p>Mở rộng các chủ thể được xem là "Người điều hành" và "Người quản lý" tạo sự linh động cho công ty trong việc quản trị và điều hành.</p>

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	2.Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế chúng	2.Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế chúng		Cập nhật thông tin phù hợp thực tế
	4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.	4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, <u>Luật Chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan</u> (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.		Bổ sung từ ngữ để làm rõ các loại văn bản quy phạm pháp luật.
3	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>[...]</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <p>- Địa chỉ: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh</p> <p>[...]</p> <p>- <i>E-mail: info@ttcsugar.com.vn</i></p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>[...]</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <p>- Địa chỉ <u>trụ sở chính</u>: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh</p> <p>[...]</p> <p>- <u>E-mail: info@ttcagris.com.vn</u></p>	<p>Điều 2.3 của Điều lệ mẫu tại Phụ lục I đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC</p>	<p>Bổ sung, chỉnh sửa từ ngữ để làm rõ địa chỉ trụ sở chính và cập nhật thông tin email và website của công ty.</p>

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa																		
	<p>- Website: ttcsugar.com.vn</p>	<p>- Website: ttcagris.com.vn/</p>																				
	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tùy theo nhu cầu hoạt động, Công ty có thể có hơn 01 (một) người đại diện theo pháp luật, số lượng và chức danh cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm áp dụng. <u>Mỗi người đại diện theo pháp luật của công ty đều là đại diện đủ thẩm quyền của Công ty trước bên thứ ba; tất cả người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm liên đới đối với thiệt hại gây ra cho Công ty theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.</u></p>	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tùy theo nhu cầu hoạt động, Công ty có thể có hơn 01 (một) người đại diện theo pháp luật, số lượng và chức danh cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm áp dụng. <u>Quyền và nghĩa vụ cụ thể của mỗi người đại diện theo pháp luật được xác định theo các quy định tại Điều lệ này, các quy định, quy chế nội bộ của Công ty và các nghị quyết do Hội đồng quản trị ban hành.</u></p>	<p>Điều 12.2 của Luật Doanh Nghiệp 2020</p>	<p>Điều chỉnh để xác định cụ thể quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật.</p>																		
4	<p>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:</p> <table><tr><th>STT</th><th>Tên ngành</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>15</td><td>Bán buôn nông, lâm sản</td><td>4620</td></tr></table>	STT	Tên ngành	Mã ngành				15	Bán buôn nông, lâm sản	4620	<p>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:</p> <table><tr><th>STT</th><th>Tên ngành</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>15</td><td>Bán buôn nông, lâm sản</td><td>4620</td></tr></table>	STT	Tên ngành	Mã ngành				15	Bán buôn nông, lâm sản	4620		<p>Chỉnh sửa từ ngữ theo ngành nghề đã đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh.</p>
STT	Tên ngành	Mã ngành																				
15	Bán buôn nông, lâm sản	4620																				
STT	Tên ngành	Mã ngành																				
15	Bán buôn nông, lâm sản	4620																				

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành		Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung		Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
		nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu khác (trừ lúa gạo, gỗ, tre, nứa và mủ cao su).		nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu khác (trừ lúa gạo, gỗ, tre, nứa và mủ cao su).		
	18	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; rau, quả; sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; thực phẩm khác (trừ đường, lúa gạo).	4632	18	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; rau, quả; sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; thực phẩm khác (trừ đường, lúa gạo).	4632
5	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập [...] 3. Ngoài cổ phần phổ thông, Công ty có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây: [...]		Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập [...] 3. Ngoài cổ phần phổ thông, Công ty có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây: [...]		Điều 148.6 của Luật Doanh Nghiệp 2020, và Điều 16.1 của Điều Lệ	Bổ sung từ ngữ để làm rõ quyền biểu quyết của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	<p>d. Cổ phần ưu đãi cổ tức hoàn lại.</p> <p>[...]</p> <p>(ii.) Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức hoàn lại có quyền:</p> <p>[...]</p> <p>- Các quyền khác như cổ đông phổ thông, nhưng không có quyền: (1) biểu quyết; (2) dự họp Đại hội đồng cổ đông và (3) đề cử người vào Hội đồng quản trị.</p>	<p>d. Cổ phần ưu đãi cổ tức hoàn lại.</p> <p>[...]</p> <p>(ii.) Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức hoàn lại có quyền:</p> <p>[...]</p> <p>- Các quyền khác như cổ đông phổ thông, nhưng không có quyền: (1) biểu quyết, <u>trừ trường hợp quy định tại Điều 16 của Điều lệ</u>; (2) dự họp Đại hội đồng cổ đông và (3) đề cử người vào Hội đồng quản trị.</p>		
	<p>e. Cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi.</p> <p>[...]</p> <p>(ii.) Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi có quyền:</p> <p>[...]</p>	<p>e. Cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi.</p> <p>[...]</p> <p>(ii.) Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi có quyền:</p> <p>[...]</p>	Điều 148.6 của Luật Doanh Nghiệp 2020, và Điều 16.1 của Điều Lệ	

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	- Các quyền khác như cổ đông phổ thông, nhưng không có quyền: (1) biểu quyết; (2) dự họp Đại hội đồng cổ đông và (3) đề cử người vào Hội đồng quản trị.	- Các quyền khác như cổ đông phổ thông, nhưng không có quyền: (1) biểu quyết, <u>trừ trường hợp quy định tại Điều 16 của Điều lệ</u> ; (2) dự họp Đại hội đồng cổ đông và (3) đề cử người vào Hội đồng quản trị.		
6	Điều 9. Thu hồi cổ phần [...] 3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Việc thu hồi này sẽ bao gồm các khoản cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.	Điều 9. Thu hồi cổ phần [...] 3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Việc thu hồi này sẽ bao gồm các khoản cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.		Bổ sung để làm rõ tham chiếu.
7	Điều 11. Quyền của cổ đông 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:	Điều 11. Quyền của cổ đông 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:		Bổ sung để làm rõ bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty là gì nhằm minh bạch các tài liệu cung cấp

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	<p>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi thuộc một trong các trường hợp sau đây. Việc triệu tập được thực hiện theo Điều 17 Điều lệ này:</p> <p>[...]</p> <p>b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty.</p>	<p>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi thuộc một trong các trường hợp sau đây. Việc triệu tập được thực hiện theo Điều 17 Điều lệ này, <u>khi</u>:</p> <p>[...]</p> <p>b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty, <u>được xác định theo quy định, quy chế nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.</u></p>		cho cổ đông.
	<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định/nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p>	<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các <u>chính sách, quy định</u>, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định/nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông <u>hoặc</u> Hội đồng quản trị;</p>		Bổ sung từ ngữ để làm rõ các loại tài liệu mà cổ đông có trách nhiệm tuân thủ.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
8	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p>	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p>		Sửa lỗi đánh máy.
9	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>[...]</p> <p>c. Khi số thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>[...]</p> <p>c. Khi số thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn ít hơn 2 thành viên;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu</p>		Bổ sung để làm rõ công ty có tối thiểu 2 thành viên độc lập HĐQT.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	<p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, <u>có đầy đủ nội dung theo khoản 4 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, và</u> có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan, <u>trường hợp</u> văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản <u>thì phải</u> tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. <u>Kèm theo kiến nghị triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;</u></p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật <u>và Điều lệ này.</u></p>	Điều 115.4 của Luật Doanh Nghiệp 2020	<p>Cập nhật theo quy định pháp luật.</p> <p>Bổ sung từ ngữ để làm rõ các trường hợp khác phải triệu tập ĐHĐCĐ.</p>
10	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>[...]</p> <p>b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn <u>90 ngày</u> kể từ ngày số thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc</p>	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>[...]</p> <p>b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn <u>60 ngày</u> kể từ ngày số thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc</p>	Điều 160.4(a) của Luật Doanh Nghiệp 2020	Cập nhật phù hợp tình hình thực tế

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	<p>nhận được yêu cầu theo quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, khi đó, Hội đồng quản trị được quyền lựa chọn thực hiện một trong các hành động quy định tại khoản 3 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a, b Khoản 4, Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p>	<p>nhận được yêu cầu theo quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, khi đó, Hội đồng quản trị được quyền lựa chọn thực hiện một trong các hành động quy định tại khoản 3 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a, b Khoản 4, Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp <u>và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u> nếu xét thấy cần thiết.</p>	<p>Điều 14.4(c) của Điều lệ mẫu tại Phụ lục I đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC</p>	Cập nhật theo điều lệ mẫu.
	<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p>	<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ</p>	<p>Điều 15.2(o) của Điều lệ mẫu tại Phụ lục I đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-</p>	Cập nhật theo điều lệ mẫu.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	<p>[...]</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p>	<p>sau:</p> <p>[...]</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty <u>và chỉ định người thanh lý</u>;</p>	BTC	
11	<p>3. Ngoài các vấn đề được thảo luận và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>[...]</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>[...]</p> <p>k. Chấp thuận các giao dịch quy định tại điểm b khoản 8 Điều 35, điểm b khoản 9 Điều 35 Điều lệ</p>	<p>3. Ngoài các vấn đề được thảo luận và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>[...]</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể Công ty <u>và chỉ định người thanh lý</u>;</p> <p>[...]</p> <p>k. Chấp thuận các giao dịch quy định tại <u>điểm b khoản 7 Điều 35</u>, khoản 8 Điều 35, điểm b khoản 9 Điều 35 Điều lệ này;</p>	<p>Điều 15.2(o) của Điều lệ mẫu tại Phụ lục I đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Điều 293.3(b) và Điều 293.4 của Nghị Định 155/2020/NĐ-CP</p>	<p>Cập nhật theo điều lệ mẫu.</p> <p>Cập nhật tham chiếu.</p>

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	này; [Không quy định].	<u>6. Trừ khi pháp luật có quy định khác, Đại hội đồng cổ đông có quyền phân quyền hoặc giao quyền cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và/hoặc chủ thể khác thực hiện một hoặc một số trách nhiệm và quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình vì lợi ích tốt nhất của Công ty. Việc phân quyền hoặc giao quyền phải được thể hiện bằng nghị quyết, và xác định rõ ràng, cụ thể chủ thể, nội dung, thời hạn và điều kiện phân quyền hoặc giao quyền.</u>		Bổ sung cơ chế phân quyền hoặc giao quyền của ĐHĐCĐ để tạo sự linh động trong quá trình quản trị và điều hành công ty.
	Điều 15. Các đại diện được ủy quyền 1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.	Điều 15. Các đại diện được ủy quyền 1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho <u>một hoặc một số</u> cá nhân, tổ chức đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.	Điều 16.1 của Điều lệ mẫu tại Phụ lục I đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	Bổ sung từ ngữ để làm rõ việc số người được nhận ủy quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ.
12	2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá	2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy		Cập nhật phù hợp tình hình thực tế

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	<p>nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. <u>Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) và trong văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông phải có nội dung được phép ủy quyền lại hoặc sự kiện, hành vi, văn bản để chứng minh có sự đồng ý của bên ủy quyền về việc ủy quyền lại.</u></p>	<p>quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.</p>		
13	<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>1. <u>Nghi quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p>	<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>1. <u>Nghi quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu (i) được từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tán thành và số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành, hoặc (ii) được trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của</u></p>	<p>Điều 17.1 của Điều lệ mẫu tại Phụ lục I đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC</p>	<p>Cập nhật theo điều lệ mẫu.</p>

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
		<u>các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u>		
14	<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>[...]</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. [...]</p>	<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>[...]</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán <u>nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.</u> [...]</p>	Điều 18.3 của Điều lệ mẫu tại Phụ lục I đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	Cập nhật phù hợp thực tế và điều lệ mẫu
15	<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>[...]</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều</p>	<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>[...]</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1</p>		Sửa lỗi đánh máy.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn sáu mươi (60), kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. [...].	Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn sáu mươi (60) <u>ngày</u> , kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. [...].		
16	Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. <u>Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, các vấn đề liên quan đến thủ tục khai mạc, tổ chức, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị ban hành</u>	Điều 20.1(a) của Điều lệ mẫu tại Phụ lục I đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	Bổ sung quy định về thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ để phù hợp với điều lệ mẫu
17	4. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; [...];	4. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt <u>mà không ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác</u> hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa		Bổ sung từ ngữ để làm rõ các trường hợp bầu lại chủ tọa.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
		cuộc họp theo nguyên tắc đa số; [...];		
	8. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.	<p>8. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp, <u>bao gồm nhưng không giới hạn ở:</u></p> <p><u>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</u></p> <p><u>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Chủ tọa có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</u></p>	Điều 20.4 của Điều lệ mẫu tại Phụ lục I đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	Bổ sung quy định cụ thể về quyền điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ của chủ tọa.
	10. Công ty có thể áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) thông qua hình thức trực tuyến. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông (thường niên	10. Công ty có thể áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) thông qua hình thức trực tuyến <u>hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u> Trường hợp Công		Bổ sung hình thức họp ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp trực tuyến.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	hoặc bất thường) <u>thông qua họp trực tuyến</u> , Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định pháp luật.	ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường), Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định pháp luật.		
	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 2, 3 Điều 14 của Điều lệ này, kể cả các vấn đề quy định <u>tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp</u>, bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 2, 3 Điều 14 của Điều lệ này, bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, <u>trừ các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</u></p> <p>a. <u>Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 70% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</u></p> <p>b. <u>Tổ chức lại, giải thể Công ty;</u></p>		Chỉnh sửa tham chiếu phù hợp với Điều 20.4 của Điều lệ.
18	2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây nếu được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp thì phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng của tất cả cổ đông tham dự	2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây nếu được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp thì phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng <u>số phiếu biểu quyết</u> của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc	Điều 148.1 của Luật Doanh Nghiệp 2020	Sửa lỗi đánh máy.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.	họp tán thành.		
19	<p>4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nếu được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, kể cả các vấn đề nêu tại <u>Điểm b Khoản 1 Điều này</u> thì phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p> <p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>[...]</p> <p>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. [...];</p>	<p>4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nếu được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, kể cả các vấn đề nêu tại <u>Điểm a, b, c Khoản 2 Điều này</u>, thì phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p> <p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>[...]</p> <p>2. <u>Công ty thực hiện công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</u> Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. [...]</p>	<p>Điều 148.4 của Luật Doanh Nghiệp 2020</p> <p>Điều 11.4(a) của Thông Tư 96/2020/TT-BTC</p>	<p>Cập nhật tham chiếu.</p> <p>Bổ sung quy định để làm rõ thời hạn công bố ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cho cổ đông khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>
20	<p>5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p>	<p>5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p>	<p>Điều 149.4(a) của Luật Doanh Nghiệp 2020</p>	<p>Cập nhật quy định về gửi phiếu lấy ý kiến thông qua gửi thư.</p>

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	a. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;	a. <u>Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</u> Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;		
	<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Trường hợp <u>chủ tọa, thư ký</u> từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc <u>chủ tọa, thư ký</u> từ chối ký biên bản họp.</p>	<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Trường hợp <u>(i) chủ tọa hoặc thư ký, hoặc (ii) cả chủ tọa và thư ký</u> từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc <u>(i) chủ tọa hoặc</u></p>	Điều 150.1(i) của Luật Doanh Nghiệp 2020	Chỉnh sửa để làm rõ cách thức xử lý khi chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
		<u>thư ký, hoặc (ii) cả chủ tọa và thư ký</u> từ chối ký biên bản họp.		
21	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>[...]</p> <p>[Không quy định]</p>	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>[...]</p> <p><u>Trong trường hợp một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ, Hội đồng quản trị xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời gian sớm nhất có thể để giải quyết những vấn đề phát sinh của phần Nghị quyết bị hủy bỏ.</u></p>		Bổ sung để làm rõ phương thức xử lý trong trường hợp một phần hoặc toàn bộ nghị quyết của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ.
22	<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. [...].</p>	<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, <u>nhưng phải bảo đảm số lượng thành viên độc lập tối thiểu theo khoản 4 Điều 276 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP, và có tối thiểu một phần hai (½) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.</u> [...].</p>	Điều 137.1(b) của Luật Doanh Nghiệp 2020, Điều 276.2 của Nghị Định 155/2020/NĐ-CP và Điều 26.3 của Điều lệ mẫu tại Phụ lục I đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	Bổ sung để làm rõ số lượng thành viên độc lập HĐQT và số lượng thành viên HĐQT không điều hành nhằm phù hợp thông lệ quản trị tốt

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
23	<p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	<p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều này, Hội đồng quản trị đương nhiệm <u>phải</u> giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Quy chế nội bộ về quản trị công ty <u>và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.</u></p>	Điều 115.5 của Luật Doanh Nghiệp 2020	<p>Bổ sung từ ngữ để làm rõ trách nhiệm tìm ứng viên của HĐQT.</p> <p>Bổ sung để làm rõ các loại tài liệu mà thành viên HĐQT phải tuân thủ.</p>
	[Không quy định].	<p>4. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.</p>	Điều 25.1(g) của Điều lệ mẫu tại Phụ lục I đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	Cập nhật theo điều lệ mẫu.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
		<p>Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <p>[...]</p> <p><u>f. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên hội đồng quản trị (nếu có); và</u></p>		
	<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định sau:</p> <p>a. Các trường hợp miễn nhiệm:</p> <p>(i.) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp;</p>	<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định sau:</p> <p>a. Các trường hợp miễn nhiệm:</p> <p>(i.) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp, <u>Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị; hoặc</u></p> <p>[...]</p>		<p>Bổ sung để làm rõ vị trí của các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT.</p>

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	<p>[...]</p> <p>b. Các trường hợp bãi nhiệm:</p> <p>(i.) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</p>	<p>b. Các trường hợp bãi nhiệm:</p> <p>(i.) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</p>		
	<p>[Không quy định].</p>	<p><u>6. Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị ngay khi xảy ra một trong các sự kiện sau:</u></p> <p><u>a. Kết thúc nhiệm kỳ;</u></p> <p><u>b. Chết hoặc bị tòa án tuyên bố đã chết;</u></p> <p><u>c. Bị tòa án tuyên bố mất tích;</u></p> <p><u>d. Bị tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự;</u></p> <p><u>e. Bị tòa án tuyên bố có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; hoặc</u></p>		<p>Bổ sung để làm rõ các trường hợp thành viên HĐQT đương nhiên không còn tư cách thành viên HĐQT.</p>

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
		<u>f. Bị tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự.</u>		
	[Không quy định].	<p><u>1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên bị giảm quá 1/3.</u></p> <p><u>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này và Khoản 3 Điều 13, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới bổ sung thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất</u></p>		Bổ sung để làm rõ các trường hợp bầu bổ sung thành viên HĐQT khi số lượng giảm quá 1/3
	<p>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>[...]</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do</p>	<p>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>[...]</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do</p>		

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	<p>luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>[...]</p> <p>i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp; điểm d, khoản 1; điểm h, k khoản 3 Điều 14; khoản 8 Điều 35, điểm b khoản 9 Điều 35 của Điều lệ này.</p> <p>[...]</p> <p>1. <u>Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</u></p> <p>[...]</p>	<p>luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>[...]</p> <p>i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp; điểm d, khoản 1; điểm h, k khoản 3 Điều 14; <u>điểm b khoản 7 Điều 35</u>, khoản 8 Điều 35, điểm b khoản 9 Điều 35 của Điều lệ này.</p> <p>[...]</p> <p>1. <u>Quyết định cơ cấu tổ chức, chính sách, quy định, quy chế quản lý nội bộ của công ty, trừ các quy chế thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; quyết định các vấn đề liên quan đến công ty con, công ty liên kết, chi nhánh, văn phòng đại diện, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc thành lập và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u></p>		<p>Chỉnh sửa tham chiếu.</p> <p>Bổ sung để làm rõ các loại tài liệu mà HĐQT được ban hành, và các vấn đề mà HĐQT được quyết định liên quan đến công ty con, công ty liên kết, chi nhánh, văn phòng đại diện.</p>

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	<p><u>s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.</u></p>	<p><u>[...]</u></p> <p><u>s. Hủy bỏ hoặc thay đổi các quyết định của Tổng giám đốc nếu các quyết định này gây ra hoặc tiềm ẩn xung đột lợi ích, không vì lợi ích tốt nhất của Công ty, hoặc trái quy định pháp luật, Điều lệ hoặc các quy định, quy chế nội bộ của Công ty.</u></p> <p><u>t. Ban hành nghị quyết yêu cầu Tổng giám đốc thực hiện các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo chỉ đạo, hướng dẫn của Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>u. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, và Điều lệ Công ty, các quy định, quy chế nội bộ của Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, và các quyền không được quy định rõ ràng là thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Tổng giám đốc.</u></p>		<p>Bổ sung để HĐQT có cơ sở hủy/thay đổi quyết định của TGD nếu TGD ban hành quyết định gây bất lợi cho công ty.</p> <p>Bổ sung nhằm đảm bảo TGD thực hiện đúng công việc thuộc thẩm quyền của TGD.</p> <p>Bổ sung phù hợp thực tế hoạt động.</p>

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
24	4. Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng quản trị có thể <u>ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và/hoặc Người điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</u>	4. Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng quản trị có thể <u>phân quyền hoặc giao quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, nhân viên cấp dưới, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị hoặc chủ thể khác thực hiện một hoặc một số trách nhiệm và quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình. Việc phân quyền hoặc giao quyền phải vì lợi ích tốt nhất của Công ty, được thể hiện bằng nghị quyết, và xác định rõ ràng, cụ thể chủ thể, nội dung, thời hạn và điều kiện phân quyền hoặc giao quyền. Những chủ thể được HĐQT phân quyền hoặc giao quyền không được phân quyền hoặc giao quyền lại cho cá nhân, đơn vị khác, trừ khi được HĐQT chấp thuận.</u>		Bổ sung cơ chế phân quyền, giao quyền của HĐQT để tạo sự linh động trong quá trình quản trị và điều hành công ty.
	7. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.	7. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các <u>Ban, Ủy ban hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ hoạt động</u> của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định		Bổ sung để làm rõ thành viên HĐQT có thể làm việc tại các ban, ủy ban và/hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ khác của HĐQT.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
		của Hội đồng quản trị.		
	<p>9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị thành viên, chi nhánh của Công ty (nếu có).</p> <p>Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và <u>Người quản lý</u> khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị thành viên, chi nhánh của Công ty (nếu có).</p> <p>Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.</p>	Điều 159.1 của Luật Doanh Nghiệp 2020	Cập nhật thống nhất
	<p>Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.</p> <p>Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản trị hoặc (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định theo từng thời kỳ.</p>	<p>Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.</p> <p><u>Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định theo từng thời kỳ.</u></p>		Bổ sung để làm rõ HĐQT không bắt buộc phải có Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
25	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, <u>nghi quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Điều lệ này, các quy định, quy chế nội bộ của Công ty.</u></p>		Bổ sung để đảm bảo tính thống nhất
	[Không quy định].	<p>3. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành, các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị và/hoặc chủ thể khác thực hiện một hoặc một số trách nhiệm và quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình.</u></p>		Bổ sung cơ chế ủy quyền, phân quyền, giao quyền của Chủ tịch HĐQT để tạo sự linh động trong quá trình quản trị và điều hành công ty.
	<p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. [...].</p>	<p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản trị hoặc một thành viên <u>Hội đồng quản trị</u> khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản</p>		Bổ sung từ ngữ để làm rõ nội dung.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
		trị. [...].		
	5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.	6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức, <u>không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị</u> hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức, <u>ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</u>		Bổ sung từ ngữ để làm rõ thời điểm bầu lại Chủ tịch HĐQT.
	<u>Điều 27. Ủy quyền tham dự <i>cuộc họp Thành viên Hội đồng quản trị</i></u> Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho người khác dự họp Hội đồng quản trị nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	<u>Điều 27. Ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị</u> Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được ủy quyền <u>cho thành viên Hội đồng quản trị khác</u> dự họp <u>và biểu quyết tại cuộc họp</u> Hội đồng quản trị nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	Điều 157.11 của Luật Doanh Nghiệp 2020 và Điều 30.11 của Điều lệ mẫu tại Phụ lục I đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	Cập nhật theo tình hình hiện tại của công ty. Bổ sung từ ngữ để làm rõ việc ủy quyền dự họp và biểu quyết của thành viên HĐQT.
26	Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị [...]	Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị [...]		Chỉnh sửa phù hợp với Điều 27 của Điều lệ.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>b. Ủy quyền cho <u>người khác</u> đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này;</p>	<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>b. Ủy quyền <u>cho thành viên Hội đồng quản trị khác</u> đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này;</p>		
27	<p>10. Biểu quyết</p> <p>[...]</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó theo quy định pháp luật. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p>	<p>10. Biểu quyết</p> <p>[...]</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị <u>hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên đó (nếu có)</u> không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó theo quy định pháp luật. Thành viên Hội đồng quản trị <u>hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên (nếu có)</u> sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu</p>		<p>Bổ sung từ ngữ để làm rõ việc biểu quyết của thành viên HĐQT và người được thành viên HĐQT ủy quyền.</p>

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	<p>c. Theo quy định tại Khoản 10d Điều 28, <u>khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ toạ cuộc họp và phán quyết của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng</u>, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;</p> <p>[...]</p> <p>[Không quy định].</p>	<p>quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại Khoản 10d Điều 28, <u>thành viên có lợi ích liên quan không được biểu quyết</u>, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;</p> <p><u>e. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mời người khác tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị. Người được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị có quyền thảo luận, nêu ý kiến nhưng không được biểu quyết.</u></p>	<p>Điều 167.2 của Luật Doanh Nghiệp 2020</p>	<p>Chỉnh sửa để tuân thủ nguyên tắc của Luật doanh nghiệp: thành viên có lợi ích liên quan không được biểu quyết.</p> <p>Bổ sung để làm rõ thành phần mở rộng của cuộc họp HĐQT và chủ thể có quyền quyết định thành phần mở rộng này.</p>

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
28	11. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.	11. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó <u>hoặc sử dụng chức danh đang nắm giữ tại Công ty để thực hiện các giao dịch đem lại lợi ích cho mình</u> , sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.		Bổ sung để làm rõ những giao dịch mà thành viên HĐQT phải công khai.
	12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp <u>và có quyền biểu quyết</u> tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không có quyền biểu quyết và số phiếu biểu quyết ngang nhau, vấn đề sẽ không được thông qua. Để làm rõ, người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền không được biểu quyết những vấn đề liên quan đến lợi ích của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc</u>	Điều 157.12 của Luật Doanh Nghiệp 2020	Bổ sung để làm rõ tỷ lệ thông qua nghị quyết HĐQT chỉ tính dựa trên số phiếu của những thành viên HĐQT dự họp và có quyền biểu quyết. Cập nhật theo tình hình thực tế của công ty.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
		<u>của mình.</u>		
	14. [...]. Trường hợp <u>chủ tọa, người ghi biên bản</u> từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp (trừ nội dung Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản) thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc <u>chủ tọa, người ghi biên bản</u> từ chối ký biên bản họp. [...].	14. [...]. Trường hợp (i) chủ tọa hoặc người ghi biên bản, hoặc (ii) cả chủ tọa và người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp (trừ nội dung Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản) thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc (i) chủ tọa hoặc người ghi biên bản, hoặc (ii) cả chủ tọa và người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. [...]. <u>Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</u>	Điều 158.2 của Luật Doanh Nghiệp 2020 Điều 158.5 của Luật Doanh Nghiệp 2020	Chỉnh sửa để làm rõ cách thức xử lý khi chủ tọa hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp. Bổ sung quy định về tính hiệu lực của Biên bản họp được soạn bằng tiếng việt và tiếng nước ngoài.
	<i>15. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ủy ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên của mỗi Ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập Ủy ban, trách nhiệm của từng Ủy</i>	<u>15. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ban, Ủy ban hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Số lượng, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện- thành viên của mỗi Ban, Ủy ban hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ</u>	Điều 31.1 của Điều lệ mẫu tại Phụ lục I đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-	Bổ sung tiểu ban, ban hoặc các đơn vị giúp việc khác của HĐQT để tạo sự linh động cho HĐQT trong việc

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	<p><u>ban, trách nhiệm của thành viên của Ủy ban. Hoạt động của Ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Ủy ban.</u></p> <p><u>Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</u></p>	<p><u>do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị ban hành quy chế tổ chức và hoạt động để quy định chi tiết về việc thành lập Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ, trách nhiệm của từng Ủy ban, trách nhiệm của thành viên của Ủy ban, cơ cấu tổ chức, cách thức tổ chức họp và biểu quyết, cách thức ra quyết định, thù lao, đánh giá và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ. Hoạt động của Ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</u></p>	BTC	thành lập các bộ phận giúp việc khác trong tương lai.
	VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC <u>ĐIỀU HÀNH</u> , NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY		Chỉnh sửa từ ngữ phù hợp với chức danh TGD.
29	Điều 31. Người điều hành Công ty [...]	Điều 31. Người điều hành Công ty [...]	Điều 162.1 của Luật Doanh Nghiệp 2020	Chỉnh sửa các thuật ngữ “hợp đồng lao động” với TGD thành “hợp đồng” để phù hợp thực tế

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	2. Mức lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng <u>lao động</u> đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định, và hợp đồng với những Người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.	2. Mức lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định, và hợp đồng với những Người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.		
30	3. Tiền lương của <u>người quản lý</u> được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	3. Tiền lương của người quản <u>lý và người điều hành</u> được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Điều 34.4 của Điều lệ mẫu tại Phụ lục I đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	Cập nhật thống nhất
	Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng giám đốc [...] 2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của	Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng giám đốc [...] 2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định khác của pháp luật và <u>các điều kiện sau đây, trừ</u>	Điều 162.5 của Luật Doanh Nghiệp 2020	Bổ sung các tiêu chuẩn và điều kiện khác đối với TGD.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	pháp luật và Điều lệ công ty.	<p><u>trường hợp Hội đồng quản trị quyết định khác:</u></p> <p><u>a. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế về điều hành công ty;</u></p> <p><u>b. Tổng giám đốc và người có liên quan đang không tư vấn, làm việc, đầu tư, góp vốn hoặc là người quản lý hoặc người điều hành tại bất kỳ công ty nào có ngành nghề hoạt động tương tự Công ty; và</u></p> <p><u>c. Tổng giám đốc và người có liên quan không nắm từ 5% vốn điều lệ trở lên tại một công ty khác hoạt động trong ngành nông nghiệp, trừ công ty con và công ty liên kết của Công ty.</u></p>		
31	<p>3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>[...]</p> <p>b. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p>	<p>3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>[...]</p> <p>b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p>		

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	<p>[...]</p> <p>[Không quy định].</p> <p>j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>[...]</p> <p><u>j. Từ chối thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị nếu có cơ sở rõ ràng rằng nghị quyết, quyết định đó mâu thuẫn hoặc trái quy định pháp luật, Điều lệ, các quy định, quy chế nội bộ của Công ty, và phải thông báo cho Hội đồng quản trị ngay khi từ chối thực hiện; và</u></p> <p>k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của <u>Đại hội đồng cổ đông</u>, Hội đồng quản trị, <u>các quy định, quy chế nội bộ của Công ty.</u></p>	<p>Điều 162.3(b) của Luật Doanh Nghiệp 2020</p>	<p>Bổ sung quyền của TGD vì HĐQT có quyền chỉ đạo TGD thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của TGD.</p> <p>Cập nhật phù hợp thực tế.</p>
	<p>[Không quy định].</p>	<p><u>4. Tổng giám đốc có quyền ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho Người điều hành khác và/hoặc chủ thể khác thực hiện một hoặc một số trách nhiệm và quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình.</u></p>		<p>Cập nhật phù hợp thực tế.</p>
	<p>4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và <u>Đại hội đồng cổ đông</u> về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p>	<p>5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p>	<p>Điều 162.2 của Luật Doanh Nghiệp 2020</p>	<p>Cập nhật theo quy định pháp luật.</p>

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ <u>NGƯỜI ĐIỀU HÀNH</u> KHÁC CỦA CÔNG TY	IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ <u>NGƯỜI QUẢN LÝ</u> KHÁC CỦA CÔNG TY		Chỉnh sửa để phù hợp với các điều khoản khác của chương IX.
32	Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và <u>Người điều hành</u> khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Ủy ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và <u>Người quản lý</u> khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên <u>các ban</u> , Ủy ban, <u>đơn vị/bộ phận hỗ trợ</u> của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	Điều 165.1(b) của Luật Doanh Nghiệp 2020	Cập nhật theo quy định pháp luật. Bổ sung từ ngữ để thống nhất với các điều khoản khác.
33	Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và <u>người điều hành</u> khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.	Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và <u>người quản lý</u> khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.	Điều 164 của Luật Doanh Nghiệp 2020, Điều 291 và Điều 293 của Nghị Định 155/2020/NĐ-CP và Điều 47 của Điều lệ mẫu tại Phụ lục I đính	Bổ sung từ ngữ để thống nhất với các điều khoản khác.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
			kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	
34	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, <u>người điều hành</u> khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của <u>công ty đại chúng</u>.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và <u>người điều hành</u> khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, <u>người điều hành</u> khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, <u>người quản lý</u> khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của <u>Công ty</u>.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và <u>người quản lý</u> khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, <u>người quản lý</u> khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để</p>	<p>Điều 164 của Luật Doanh Nghiệp 2020, Điều 291 và Điều 293 của Nghị Định 155/2020/NĐ-CP và Điều 47 của Điều lệ mẫu tại Phụ lục I đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Điều 293.3(b) của Nghị Định 155/2020/NĐ-CP</p>	Cập nhật phù hợp tình hình hoạt động

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	để thực hiện các giao dịch có liên quan.	thực hiện các giao dịch có liên quan.		
	<p>8. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:</p> <p>a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, <u>người điều hành</u> khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>Riêng trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, <u>người điều hành</u> khác mà công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, thuộc thẩm quyền thông qua bởi Hội đồng quản trị.</p>	<p>8. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:</p> <p>a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, <u>người quản lý</u> khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>Riêng trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, <u>người quản lý</u> khác mà công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, thuộc thẩm quyền thông qua bởi Hội đồng quản trị.</p>		
	<p>7. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội</p>	<p>7. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải</p>		

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	đồng cổ đông chấp thuận.;	<p>được Đại hội đồng cổ đông <u>hoặc Hội đồng quản trị</u> chấp thuận, cụ thể:;</p> <p>a. <u>Hội đồng quản trị chấp thuận giao dịch tại khoản 7 Điều này có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và không là giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất, và</u></p> <p>b. <u>Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các giao dịch tại Khoản 7 Điều này.</u></p>		
	<p>9. Giao dịch giữa Công ty với một trong các đối tượng sau (i) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, <u>người điều hành</u> khác và người có liên quan của các đối tượng này; Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng</p>	<p>9. Giao dịch giữa Công ty với một trong các đối tượng sau (i) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, <u>người quản lý</u> khác và người có liên quan của các đối tượng này; (ii) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; (iii) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng</p>	Điều 167.2 và Điều 167.4 của Luật Doanh Nghiệp 2020	Cập nhật thống nhất

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	<p>giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và không là giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất: những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, <u>người điều hành khác, đối tượng có liên quan đã được báo cáo Hội đồng quản trị</u> và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất: những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, <u>người điều hành khác, đối tượng có liên quan đã được</u></p>	<p>giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và không là giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất: những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, <u>người quản lý khác, đối tượng có liên quan đã được người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch thông báo với thành viên Hội đồng quản trị và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch</u>, và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan <u>trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo;</u></p> <p>b. Đối với giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất: những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, <u>người quản lý khác, đối tượng có liên quan đã được người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch thông báo cho Hội đồng quản trị, và được Hội</u></p>		

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	<u>công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</u>	<u>đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</u>		
	[Không quy định].	10. Đối với các hợp đồng, giao dịch không được ký kết giữa Công ty và các đối tượng quy định tại khoản 9 Điều này, nhưng có đầy đủ cơ sở hợp lý để chứng minh vì lợi ích trực tiếp của các đối tượng quy định tại khoản 9 Điều này: người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch mà biết rõ về nội dung này phải thông báo với Hội đồng quản trị và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch này bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.		Bổ sung để làm rõ phương thức xử lý đối với các giao dịch vì lợi ích của bên liên quan.
	Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 1. [...] b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ủy ban kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên	Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 1. [...] b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, <u>báo cáo của Ủy ban kiểm toán tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</u> , hợp đồng, giao dịch phải thông qua	Điều 49.4 của Điều lệ mẫu tại Phụ lục I đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	Cập nhật thông tin đảm bảo thống nhất.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	<p>quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>4. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty <u>được xác định theo quy định, quy chế nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành</u></p> <p>4. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty, biên bản họp, <u>ngghi quyết</u> Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, <u>các báo cáo của Hội đồng quản trị</u>, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>		
35	<p>Điều 39. Cổ tức</p> <p>[...]</p> <p>2. Trên cơ sở phù hợp quy định pháp luật, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.</p>	<p>Điều 39. Cổ tức</p> <p>[...]</p> <p>2. Trên cơ sở phù hợp quy định pháp luật, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty, <u>với điều kiện cổ tức tạm ứng không được vượt quá mức cổ tức mà Đại hội đồng cổ đông đã quyết định chi trả của năm đó.</u></p>		<p>Bổ sung quy định về cách thức xử lý khi cổ tức tạm ứng vượt quá mức chi trả cổ tức đã được ĐHĐCĐ quyết định.</p>

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
36	<p>Điều 42. Trích lập quỹ</p> <p>Sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đã thanh toán đủ (hoặc đã dành phần thanh toán đủ) các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn phải trả, tùy thuộc vào tình hình kinh doanh và phù hợp với các quy định của pháp luật, Công ty sẽ trích lập các Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ và các Quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Mức trích lập các quỹ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị là cơ quan quyết định sử dụng các quỹ này theo mức trích lập đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Điều 42. Trích lập quỹ</p> <p>Sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đã thanh toán đủ (hoặc đã dành phần thanh toán đủ) các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn phải trả, tùy thuộc vào tình hình kinh doanh và phù hợp với các quy định của pháp luật, Công ty sẽ trích lập các Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ và các Quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Mức trích lập các quỹ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định <u>dựa trên phương án do Hội đồng quản trị lập</u>. Hội đồng quản trị là cơ quan quyết định <u>kiểm soát, quản lý và</u> sử dụng các quỹ này theo mức trích lập đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>		Bổ sung từ ngữ để xác định rõ chủ thể nào có trách nhiệm lập phương án trích lập, kiểm soát và quản lý các quỹ này.
37	<p>Điều 46. Kiểm toán</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên</u> chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 46. Kiểm toán</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.</p>	Điều 57 của Điều lệ mẫu tại Phụ lục I đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	Cập nhật theo điều lệ mẫu.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
38	Điều 49. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông [Toàn bộ Điều 49 của Điều lệ].	Điều 49. [Bị xóa bỏ]		Xóa toàn bộ Điều 49 vì không còn phù hợp.
39	Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc <u>các quy định hành chính quy định, giữa:</u> a. Cổ đông với Công ty; hoặc b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay <u>Người điều hành</u> khác. Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng <u>và hoà giải</u> . Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới <u>Hội đồng quản trị</u> hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc <u>giải quyết tranh</u>	Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc <u>thỏa thuận</u> , giữa: a. Cổ đông với Công ty; hoặc b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, <u>thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay Người quản lý khác.</u> Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc <u>thương lượng</u> và sẽ yêu cầu từng bên trình bày	Điều 62 của Điều lệ mẫu tại Phụ lục I đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	Chỉnh sửa từ ngữ để mở rộng phạm vi quyền của cổ đông. Chỉnh sửa để làm rõ cổ đông có thể phát sinh tranh chấp với thành viên HĐQT. Bỏ cơ chế hòa giải để đơn giản quy trình giải quyết tranh chấp.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	<i>chấp</i> và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. <u>Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Tòa án kinh tế chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</u>	các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.		
40	2. Trường hợp không <u>đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận</u> , một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.	2. Trường hợp <u>không thương lượng được trong vòng 06 (sáu) tuần từ ngày bắt đầu quá trình thương lượng</u> , một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.	Điều 62.2 của Điều lệ mẫu tại Phụ lục I đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	Chỉnh sửa theo Điều 52.1 của Điều lệ.
	3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và <u>hòa giải</u> . Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.	3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và <u>giải quyết tranh chấp</u> .		Chỉnh sửa phù hợp với nội dung các khoản phía trên.
	[Không quy định].	XIX. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY CON		
	[Không quy định].	<u>Điều 53. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty đối với công ty con</u> 1. Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của	Điều 14, Điều 15 và Điều 196 của Luật Doanh Nghiệp 2020	Bổ sung để làm rõ trách nhiệm của công ty với các công ty con, trong bối cảnh công ty là công ty mẹ của một

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
		<p><u>mình với tư cách là thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với công ty con theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa Công ty với các công ty con.</u></p> <p><u>2. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Công ty và công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với chủ thể pháp lý độc lập.</u></p> <p><u>3. Trường hợp Công ty can thiệp ngoài thẩm quyền của thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông và buộc công ty con phải thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động không sinh lợi mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính có liên quan, gây thiệt hại cho công ty con thì Công ty phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.</u></p> <p><u>4. Công ty và Người quản lý doanh nghiệp của Công ty chịu trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp về việc can thiệp buộc công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 3, Điều này.</u></p>		nhóm các công ty.
	[Không quy định].	<u>Điều 54. Hợp nhất báo cáo tài chính giữa Công</u>	Điều 197 của	Bổ sung nguyên tắc về

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
		<p><u>ty và các công ty con</u></p> <p><u>1. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, Công ty còn phải lập các báo cáo sau đây:</u></p> <p><u>a. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo quy định của pháp luật về kế toán;</u></p> <p><u>b. Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của Công ty và công ty con;</u></p> <p><u>c. Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của Công ty và công ty con.</u></p> <p><u>2. Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của Công ty, người đại diện theo pháp luật của công ty con phải cung cấp báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết theo quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty và công ty con.</u></p> <p><u>3. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo của Công ty sử dụng báo cáo quy định tại khoản 2 Điều này để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty và công ty con</u></p>	Luật Doanh Nghiệp 2020	việc hợp nhất báo cáo tài chính giữa công ty và các công ty con, làm cơ sở để ban hành các quy định chi tiết.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
		<p><u>nếu không có nghi ngờ về việc báo cáo do công ty con lập và đề trình có thông tin sai lệch, không chính xác hoặc giả mạo.</u></p> <p><u>4. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này chưa được lập và đề trình các báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của công ty con. Trong trường hợp người quản lý Công ty đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi thẩm quyền mà vẫn không nhận được báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết theo quy định từ công ty con thì người quản lý Công ty vẫn lập và trình báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của Công ty và công ty con. Báo cáo có thể gồm hoặc không gồm thông tin từ công ty con đó, nhưng phải có giải trình cần thiết để tránh hiểu nhầm hoặc hiểu sai lệch.</u></p> <p><u>5. Báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng năm, báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của Công ty, công ty con phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></p>		
	<p>Điều 54. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm XX chương 56 điều, được</p>	<p>Điều 54. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm XX chương 56 điều, được</p>		Chỉnh sửa theo thực tế.

TT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa nhất trí sửa đổi thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông số <u>01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/5/2023</u> và <u>Nghị quyết Hội đồng quản trị số 118a /2023/NQ-HĐQT ngày 22/06/2023</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa nhất trí sửa đổi thông qua theo Nghị quyết <u>hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông số ngày / / </u> chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.		
41	<u>Điều 55. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.</u>	Bỏ		Sửa lỗi đánh máy.

* * * * *